

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỒNG THÁP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2025

“V/v Ly hôn giữa chị C và anh P”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Thị Nguyệt Hồng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Tấn Đạt

2. Bà Lê Thị Gấn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trịnh Hồ Hải Hương** – thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 134/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị C, sinh năm 19xx (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đ.

Địa chỉ cũ: Ấp 8, xã T, huyện G, tỉnh T.

Địa chỉ liên hệ: Đường L (nhà hàng TH) ấp 1, xã T, huyện B, thành phố H. (nay là: Đường L (nhà hàng TH) ấp 1, xã T, thành phố H.)

2. Bị đơn: Nguyễn Văn P, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T 8, xã T, tỉnh Đ.

Địa chỉ cũ: Ấp 8, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 23 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh P tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh T (nay là xã T, tỉnh Đ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 16/02/2011. Quá trình

chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn với gia đình chồng do đó vợ chồng đã ly thân từ năm giữa năm 2024 đến nay. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn Minh L, sinh ngày 13/12/2011 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 12/10/2015. Ly hôn chị yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/con cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt không lý do dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nên không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị C.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không thể hiện ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Nguyễn Văn P theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C chung sống với anh P từ năm 2011 và được UBND xã T, huyện G, tỉnh T (nay là xã T, tỉnh Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 16/02/2011 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn với gia đình bên chồng. Mâu thuẫn kéo dài nhưng đến nay mâu thuẫn giữa anh và chị vẫn không hàn gắn được. Nay chị C xin ly hôn nhưng anh P không đến Tòa để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị C, điều đó chứng tỏ

anh P không tha thiết với cuộc hôn nhân này. Qua xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị C yêu cầu ly hôn với anh P là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C yêu cầu được nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, chị C, anh P đều có khả năng nuôi dạy con chung nhưng hiện nay cháu Luân, cháu Kha đang sống với chị C và nguyện vọng của 02 cháu là muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con phía chị C yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/con cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, anh P không có ý kiến về vấn đề này, tuy nhiên người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định, mức cấp dưỡng nuôi con mà chị C yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần đề chị C chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Văn Minh L, sinh ngày 13/12/2011 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 12/10/2015 và anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nếu sau này chị C, anh P có tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh P cũng không thể hiện ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này chị C, anh P có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 28, 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C.

Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2/ Về con chung:

Chị Nguyễn Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Văn Minh L, sinh ngày 13/12/2011 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 12/10/2015.

Anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/con cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi chị Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Nguyễn Văn P được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0014174 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T (nay là: Thi hành án dân sự tỉnh Đ). Như vậy, chị C đã nộp đủ án phí.

- Anh Nguyễn Văn P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 – Đ;
- THADS tỉnh Đ ;
- Đương sự;
- UBND xã T, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ, AV;

Lê Thị Nguyệt Hồng

